TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 423/2023/DS-ST
Ngày: 18/9/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lan;

Bà Nguyễn Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân quận G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 239/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2022 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 469/2023/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 394/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1958; địa chỉ: Park 2 Vinhome Tân C, Phường , quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Đức T, sinh năm: 1958; Địa chỉ: Số Đường số, phường Hiệp B, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 002700, quyển số 05 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/5/2022 tại Văn phòng Công chứng Thủ Thiêm, Thành phố Hồ Chí Minh) (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số đường Phan Văn T, Phường, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Đức T trình bày:

Ngày 27/10/2009 bà Nguyễn Thị H cho bà Nguyễn Thị V vay số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) chuyển vào tài khoản của ông Nguyễn Văn T, bà V hẹn trả số tiền này trong thời hạn 10 ngày tính từ ngày mượn ngày 27/10/2009, đồng

thời bà V có thế chấp cho bà H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH337372 do Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29/5/2007 đứng tên sở hữu là ông Nguyễn Văn B và 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/8/2009. Tại biên bản hòa giải ngày 10/02/2023, bà H và bà V đã tự thỏa thuận với nhau giải quyết xong việc thế chấp Giấy chứng nhận và hợp đồng này nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết giấy tờ này trong vụ án.

Tại biên bản hòa giải ngày 10/02/2023 bà V cam kết hẹn đến ngày 15/5/2023 bà V sẽ trả cho bà H số tiền 500.000.000 đồng và số tiền còn lại 1.500.000.000 đồng như đã thỏa thuận, đồng thời bà V sẽ rút đơn khởi kiện, nhưng bà V đã không thanh toán số tiền trên cho bà H như cam kết. Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V thanh toán số tiền 2.000.000.000 đồng, trả một lần và không yêu cầu bà V trả tiền lãi.

2. Tại biên biên làm việc ngày 22/11/2022 và biên biên hòa giải ngày 10/02/2023 bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Bà V xác nhận có vay nợ của bà Nguyễn Thị H số tiền 2.000.000.000 đồng theo giấy nợ lập ngày 27/10/2009 và bà có đưa cho bà H giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH337372 do Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29/5/2007 đứng tên sở hữu là ông Nguyễn Văn B và một Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/8/2009. Tuy nhiên, việc giữ Giấy chứng nhận và hợp đồng bà và bà H đã tự thỏa thuận giải quyết xong nên bà không có ý kiến và yêu cầu gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Đối với số tiền 2.000.000.000 đồng bà nợ của bà H, bà yêu cầu được trả theo phương thức như sau:

- Ngày 15/5/2023 bà trả cho bà H 500.000.000 đồng (bà H sẽ rút đơn khởi kiện) ;

- Từ ngày 15/6/2023 đến ngày 15/10/2023 bà trả cho bà H số tiền 500.000.000 đồng (mỗi tháng trả 100.000.000 đồng) ;

- Số tiền 1.000.000.000 đồng còn lại bà sẽ trả dần cho bà H cho đến khi hết nợ (trả mỗi tháng 500.000.000 đồng).

Bà H sinh năm 1962, hiện tại bà trên 60 tuổi và bà có nộp đơn đề nghị miễn án phí đề nghị Tòa án xem xét cho bà được miễn nộp tiền án phí trong trường hợp bà phải chịu án phí.

Sau đó, Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết hợp lệ Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham dự phiên tòa đối với bị đơn là bà Vân nhưng bà Vân, đều vắng mặt không có lý do.

4. Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà V phải trả cho bà H số tiền 2.000.000.000 đồng và không yêu cầu bà V trả lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị V vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác minh tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử là chưa đúng với quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Bà H khởi kiện yêu cầu bà Vân trả nợ vay từ giấy mượn tiền lập ngày 27/10/2009. Bà V cư trú tại địa chỉ: đường Phan Văn T, Phường, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G.

Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc". Bị đơn đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên Tòa án xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Hoàn:

Căn cứ Điều 05 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Căn cứ lời khai của các đương sự cũng như các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Ngày 27/10/2009, bà Nguyễn Thị V vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ đồng), thời hạn vay 10 ngày trả (tức đến ngày 06/11/2009), đến ngày 04/12/2019 bà V ký xác nhận chưa trả cho bà H và không có lãi suất theo giấy mượn tiền viết tay lập ngày 27/10/2009. Căn cứ Điều 463, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015, giao dịch giữa bà H và bà V là hợp đồng vay tài sản, có kỳ hạn và không có lãi.

Xét, các bên đương sự giao kết hợp đồng vay tài sản thông qua giấy mượn tiền lập ngày 27/10/2009 và theo thỏa thuận trong giấy mượn tiền thì bà V phải thanh toán cho bà H số tiền nợ nêu trên trong thời hạn 10 ngày (tức ngày 06/11/2009), đến ngày 04/12/2019 bà V ký xác nhận chưa trả cho bà H và tại biên biên hòa giải ngày 10/02/2023 bà V cũng cam kết ngày 15/5/2023 trả trước số tiền 500.000.000 đồng và trả số tiền nợ còn lại như thỏa thuận. Tuy nhiên, cho đến nay bà V chưa thanh toán cho bà H theo thỏa thuận đã cam kết. Yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

Về thời hạn thanh toán, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà V vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên nguyên đơn yêu cầu bà V phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Về tiền lãi: Do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH337372 do Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29/5/2007 đứng tên sở hữu là ông Nguyễn Văn B và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/8/2009 bà V và bà H đã tự thỏa thuận giải quyết xong và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, nhưng do nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958 là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí khi khởi kiện,

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, nhưng do bị đơn bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1962 là người cao tuổi và có nộp đơn đề nghị miễn án phí nên bị đơn được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) theo giấy nợ ngày 27/10/2009, thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà V chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bà V còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958 là người cao tuổi, nên bà H được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1962 là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Hoàng Thị Chinh